TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **19**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 5 - 2020
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thu.

Ông Phạm Xuân Đệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Phạm Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 107/2020/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2020/QĐST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: **Chị Hoàng Dạ A**, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 174b tổ 14 phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: **Anh Đào Đức B**, sinh năm 1984; Hộ khẩu thường trú: Số 2A tập thể 313 Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, Hà Nội; Hiện cư trú: Số 48 + 50 Vĩnh Hồ, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Chị A có mặt, anh B vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn ly hôn đề ngày 15/01/2020, bản tự khai và các văn bản tố tụng tiếp theo nguyên đơn chị Hoàng Dạ A trình bày:

1. Tình cảm:

Chị và anh Đào Đức B kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, Hà Nội vào ngày 30 tháng 9 năm 2013.

Sau khi kết hôn anh chị sinh sống cùng gia đình chồng tại số 48 + 50 Vĩnh Hồ, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách. Chị đã nhiều lần nói chuyện, phân tích nhưng anh B không thay đổi. Anh B sống thiếu trách nhiệm với vợ con, không quan tâm đến gia đình.

Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng và từ tháng 01 năm 2019 đến nay chị và con trai chuyển ra ngoài thuê nhà ở riêng. Vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Đầu năm 2020 vợ chồng đã ký đơn thuận tình ly hôn nhưng do anh B cố tình gây khó khăn không hợp tác để giải quyết theo thủ tục thuận tình ly hôn nay chị đơn phương nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu ly hôn anh B.

2. Con chung: Chị và anh Đào Đức B có 01 con chung là cháu Đào C (nam) sinh ngày 02/11/2013. Ly hôn, chị A chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh B cấp dưỡng nuôi con mức nào chị cũng đồng ý, trường hợp anh B không cấp dưỡng nuôi con chị cũng chấp nhận.

3. Tài sản chung (động sản, bất động sản): Chị xác nhận anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Nợ chung: Chị và anh B không vay nợ ai và không cho ai vay nợ.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án cho anh Đào Đức B nhưng anh B đều vắng mặt.

*** Tại phiên tòa**:

- Chị Hoàng Dạ A vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày, cụ thể:

+ Tình cảm:

Chị A khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn căng thẳng, cuộc sống chung không hạnh phúc, nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Chị và anh B sống ly thân từ tháng 1 năm 2019 đến nay không ai quan tâm đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị kiên quyết xin ly hôn anh B.

Con chung: Chị và anh B có 01 con chung là cháu Đào C (nam) sinh ngày 02/11/2013.. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con do từ khi anh chị sống ly thân cho đến nay, chị là người chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Anh B không có trách nhiệm cả về vật chất lẫn tinh thần.

+ Tài sản chung (động sản, bất động sản): Chị A xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nợ chung: Chị A xác nhận anh chị không có nợ chung, không vay nợ ai, không cho ai vay nợ.

- Anh B vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố bản biên bản ghi ý kiến của anh B và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử ngày hôm nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng theo đúng các

trình tự tố tụng mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng; bị đơn thực hiện quyền nghĩa vụ tố tụng chưa tốt.

Về nội dung vụ án: Sau khi phát biểu đánh giá các tình tiết của vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 226, 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Nghị quyết 326 về án phí lệ phí: Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Dạ A; Con chung: Giao con chung cho chị A được trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh B; Về tài sản chung (động sản, bất động sản): Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Nợ chung: Chị A xác nhận không vay nợ ai, không cho ai vay nợ nên không xét; Án phí: chị A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng

Căn cứ vào đơn khởi kiện, các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Xác định tranh chấp giữa chị Hoàng Dạ A và anh Đào Đức B là tranh chấp về hôn nhân gia đình.

Bị đơn là anh Đào Đức B cư trú tại phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, Hà Nội. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Đống Đa thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án cho anh Đào Đức B. Anh B vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do; Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh B.

Việc thay thế thành viên HĐXX: Bà Nguyễn Quỳnh Thơ vì lý do sức khỏe không tiến hành tố tụng tại phiên tòa được, hội thẩm dự khuyết - bà Phạm Thị Thu thay bà Thơ tiến hành tố tụng tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại Điều 226 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Dạ A và anh Đào Đức B đăng ký kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, Hà Nội ngày 30 tháng 9 năm 2013. Căn cứ Điều 3, Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình xác nhận hôn nhân giữa chị A và anh B là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, lời khai của chị A và anh B thống nhất thể hiện: Quá trình chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân do không hợp tính cách, bất đồng quan điểm, anh B sống thiếu trách nhiệm với gia đình vợ con dẫn đến mâu thuẫn căng thẳng và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 1 năm 2019 đến nay không ai quan tâm đến ai. Chị A kiên quyết xin ly hôn, anh B không thể hiện quan điểm gì, đề nghị căn cứ theo pháp luật giải quyết.

Xét thấy: Với tình trạng hôn nhân của anh chị như hiện nay khẳng định cuộc sống chung vợ chồng anh chị không hạnh phúc, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn anh B nên yêu cầu ly hôn anh B của chị A là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A; anh B không thể hiện quan điểm nên không có căn cứ xem xét.

[2]. Con chung: Xác nhận chị Hoàng Dạ A và anh Đào Đức B có 01 con chung là Đào C (nam) sinh ngày 02/11/2013. Ly hôn, chị A có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Từ khi anh chị sống ly thân đến nay, cháu An vẫn cư trú cùng chị A, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường; cháu An còn nhỏ rất cần sự quan tâm, chăm sóc tỉ mỉ của người mẹ; chị A có chỗ ở công việc và thu nhập ổn định nên đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung. Do vậy, Căn cứ Điều 81 chấp nhận yêu cầu của chị A; giao con chung cho chị A được trực tiếp nuôi dưỡng; chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về tài sản, nhà ở chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[4] Về nợ: Chị A xác nhận vợ chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5] Về án phí: Chị A phải chịu án phí ly hôn.

Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 226, 227, 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Dạ A.

Chị Hoàng Dạ A được ly hôn anh Đào Đức B.

2. Con chung: Xác nhận chị Hoàng Dạ A và anh Đào Đức B có 01 con chung là Đào C (nam) sinh ngày 02/11/2013.

Giao cháu C cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng; tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh B cho đến khi chị A có yêu cầu hoặc đến khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

Anh B có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Tài sản chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

4. Về nợ: Chị A xác nhận vợ chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

5. Về án phí: Chị Hoàng Dạ A phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0009891 ngày 18 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa. Chị A đã nộp đủ tiền án phí.

Chị A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *TANDTPHN;*
- *VKSNDTPHN;*
- *VKS nhân dân quận Đống Đa;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Tú